

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Đông
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1992. “Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt”

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện Đình Đ, tỉnh Lạng Sơn.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc Th, sinh năm 1990. “Vắng mặt lần thứ hai không có lý do”

Trú tại: Thôn P, xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-02-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 02-11-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Phạm Ngọc Th không quan tâm, chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn giữa hai

vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Phạm Ngọc Th không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Ngọc Th.

Về con chung: Chị và anh Phạm Ngọc Th có 02 con chung là cháu Phạm Yến N, sinh ngày 26-3-2012 và cháu Phạm Huyền Tr, sinh ngày 13-11-2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu anh Thương cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Ngọc Th nhưng anh Phạm Ngọc Th không đến Tòa án. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Phạm Ngọc Th, Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Phạm Ngọc Th

- Về con chung: Giao cả hai cháu Phạm Yến N, sinh ngày 26-3-2012 và Phạm Huyền Tr, sinh ngày 13-11-2013 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Phạm Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Anh Phạm Ngọc Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Ngọc Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Ngọc Th có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 02-11-2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn P, xã L, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Theo chị Múi, tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phạm Ngọc Th không quan tâm, chăm sóc vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng anh Thương không đến Tòa, không có bản khai, như vậy anh Thương đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của bản thân. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị Múi và anh Thương đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Phạm Ngọc Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Ngọc Th có 02 con chung là cháu Phạm Yên N, sinh ngày 26-3-2012 và cháu Phạm Huyền Tr, sinh ngày 13-11-2013. Ly hôn, chị Múi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị Hoàng Thị M, các cháu vẫn được chị Hoàng Thị M cho đi học đầy đủ và đều có nguyện vọng được ở với chị; mặt khác anh Phạm Ngọc Th không có lời khai thể hiện ý chí về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về mọi mặt của con chung, cần giao cả hai cháu Nhi và cháu Trang cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Phạm Ngọc Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Yên N, sinh ngày 26-3-2012 và cháu Phạm Huyền Tr, sinh ngày 13-11-2013 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Phạm Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000330 ngày 07-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận chị Múi đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy